

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NHẪM HIỆN THỰC HÓA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

★ TS NGUYỄN TÙNG LÂM

Trưởng Sĩ quan Chính trị, Bộ Quốc phòng

● **Tóm tắt:** Bài viết phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, khẳng định giá trị trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Trên cơ sở đó, bài viết luận giải những yêu cầu và cách thức vận dụng tư tưởng của Người vào quá trình hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XIV đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

● **Từ khóa:** Thực hiện chính sách, Nghị quyết Đại hội XIV, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Applying Ho Chi Minh Thought on policy implementation organization to realize the 14th Party Congress Resolution

● **Abstract:** The article analyzes Ho Chi Minh thought on organizing Party resolution implementation, affirming its enduring value for national development, viewed as the decisive link ensuring the Party's line is effectively deployed in practice. On that basis, it expounds requirements and methods to apply his thought to realizing the 14th Party Congress Resolution as the nation enters a new development era. By clarifying the relationship between strategic vision and practical organizational capacity, the article affirms the contemporary relevance and methodological significance of Ho Chi Minh thought for rapid, sustainable development today.

● **Keywords:** policy implementation; resolution; 14th Congress; Ho Chi Minh thought.

1. Mở đầu

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng luôn được Người đặc biệt coi trọng. Theo Người, nghị quyết dù đúng đắn đến đâu cũng chỉ thực sự có giá trị khi được triển khai nghiêm túc, khoa học và sáng tạo trong thực tiễn; lãnh đạo

mà không tổ chức thực hiện đến nơi đến chốn thì khó đem lại kết quả thiết thực. Tư tưởng đó luôn có giá trị thời sự sâu sắc. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện chính sách nhằm hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng trở thành yêu cầu có tính cấp thiết, quan trọng hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng

Để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, theo Hồ Chí Minh, vấn đề trọng yếu là tổ chức thực hiện. Người khẳng định, khi mục đích, nhiệm vụ đã được xác định, nghị quyết đã được thông qua thì việc tổ chức thực hiện trở thành khâu quan trọng hàng đầu. Bởi lẽ: “Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr.636). Theo Người, đây là khâu khó khăn, phức tạp, đòi hỏi Đảng không chỉ có quyết tâm chính trị cao mà còn phải có nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, bảo đảm tính cách mạng và tính khoa học trong quá trình triển khai. Người nhấn mạnh: “Mỗi công việc của Đảng phải giữ vững tính cách mạng của nó, lại phải khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr.289). Chỉ khi biết vận dụng linh hoạt, sát thực tiễn, nghị quyết mới trở thành hiện thực sinh động trong đời sống. Đồng thời, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Muốn làm tốt mọi công việc thì phải lãnh đạo tốt...lãnh đạo tốt nghĩa là thực hiện đầy đủ những nghị quyết của Đảng, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của nhân dân” (Hồ Chí Minh, 2011f, tr.40). Điều đó cho thấy, giá trị của nghị quyết không nằm ở văn bản, mà ở kết quả tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Điều này được thể hiện trên các vấn đề sau:

Thứ nhất, phải cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng, làm tốt công tác giáo dục, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, để biến nghị quyết thành hiện thực, phải cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng, làm rõ nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ và

giải pháp thực hiện phù hợp với từng cấp, từng ngành, từng địa phương; cán bộ lãnh đạo và các cấp uỷ phải nắm chắc nhiệm vụ của mình, xây dựng kế hoạch triển khai sát thực tiễn. Kế hoạch không thể chung chung mà phải bao gồm hệ thống nhiệm vụ cụ thể, giải pháp khả thi và bước đi thích hợp.

Đối với Nhà nước và chính quyền các cấp, nghị quyết phải được thể chế hóa thành pháp luật, quy định và chương trình hành động cụ thể. Người nhấn mạnh: “Kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần, và quyết tâm phải ba phần” (Hồ Chí Minh, 2011e, tr.25). Điều đó cho thấy, cụ thể hóa nghị quyết là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính thực thi và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, cụ thể hóa chỉ là bước đầu. Muốn nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống phải làm tốt công tác giáo dục, quán triệt, tuyên truyền trong toàn Đảng, toàn dân. Theo Hồ Chí Minh, để quyết tâm thực hiện nghị quyết, cần sự hiểu biết sâu sắc, sự thống nhất về nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Vì vậy, phải thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ; đồng thời tuyên truyền sâu rộng để nhân dân hiểu rõ mục tiêu, ý nghĩa của nghị quyết. Người yêu cầu: “Phải biến quyết tâm của Đảng, của Trung ương thành quyết tâm của mỗi đảng viên, mỗi chiến sĩ, mỗi người dân để thực hiện tốt nghị quyết này” (Hồ Chí Minh, 2011g, tr.15). Khi nhận thức được thống nhất, ý chí được khơi dậy, nghị quyết sẽ trở thành hành động tự giác của toàn xã hội.

Thứ hai, phát huy vai trò của các tổ chức và vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện nghị quyết

Để nghị quyết đi vào cuộc sống phải phát huy đầy đủ vai trò của các tổ chức trong hệ

thống chính trị, bảo đảm sự phân công rành mạch, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Theo Hồ Chí Minh, trong quá trình tổ chức thực hiện phải xác định cụ thể tổ chức nào chủ trì, cá nhân nào phụ trách, khâu nào trọng yếu, mức độ hoàn thành đến đâu. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, mỗi tổ chức Đảng phải biết vận dụng nghị quyết một cách sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa phương, từng ngành. Người phê phán cách làm thiếu linh hoạt: “thi hành một cách máy móc và không triệt để” (Hồ Chí Minh, 2011c, tr.417). Điều đó cho thấy, nếu không tổ chức chặt chẽ, không vận dụng sáng tạo thì nghị quyết dù đúng cũng khó trở thành hiện thực.

Cùng với vai trò của các tổ chức, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người khẳng định: công tác cán bộ là “công việc gốc của Đảng”, vì “Mục đích khéo dùng cán bộ, cốt để thực hành đầy đủ chính sách của Đảng và Chính phủ” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr.319). Cán bộ phải được sử dụng đúng sở trường, phát huy tốt năng lực để hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, mỗi đảng viên phải là đầu tàu trong thực hiện nghị quyết, bởi “đảng viên đi trước, làng nước theo sau” (Hồ Chí Minh, 2011h, tr.546). Muốn quần chúng làm theo, người đảng viên phải nêu gương trong lời nói và việc làm; phải sống và hành động sao cho “người đảng viên, từ việc làm, lời nói cho đến cách ăn ở, phải thể nào cho dân tin, dân phục, dân yêu. Thế là làm cho dân tin Đảng, phục Đảng, yêu Đảng và làm theo chính sách của Đảng và của Chính phủ” (Hồ Chí Minh, 2011d, tr.55). Khi cán bộ, đảng viên thực sự gương mẫu, nghị quyết mới có sức lan tỏa và trở thành hành động tự giác của toàn xã hội.

Thứ ba, nâng cao dân trí, phát huy dân chủ gắn với công tác vận động quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng

Theo Hồ Chí Minh, đây là nội dung quan trọng để nghị quyết của Đảng nhanh chóng được triển khai và đi vào cuộc sống. Người cho rằng, khi trình độ nhận thức của nhân dân được nâng lên, họ sẽ hiểu đúng cơ sở khoa học của việc hình thành nghị quyết, nắm rõ mục tiêu, nội dung và biện pháp thực hiện, từ đó tin tưởng và tự giác hành động. Lòng tin là điều kiện để tạo nên sự tự giác; có tự giác mới có hăng hái, chủ động trong thực tiễn. Vì vậy, việc tuyên truyền, giải thích, làm cho dân hiểu, dân tin, dân ủng hộ là yêu cầu có tính quyết định. Phát huy dân chủ không chỉ là bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, mà còn là tạo điều kiện để nhân dân tham gia bàn bạc, giám sát và thực hiện nghị quyết một cách chủ động, sáng tạo.

Cùng với nâng cao dân trí, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác vận động quần chúng. Người khẳng định: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công” (Hồ Chí Minh, 2011c, tr.234). Theo đó, cán bộ, đảng viên phải nhận thức sâu sắc rằng dân vận là yếu tố quyết định sự thành bại của việc tổ chức thực hiện nghị quyết. Dân vận khéo đòi hỏi người cán bộ phải gần dân, trọng dân, có thái độ chân thành, mềm dẻo, biết thuyết phục và cảm hóa.

Người căn dặn: “Đối với tất cả mọi người trong các tầng lớp dân chúng, ta phải có một thái độ mềm dẻo khôn khéo, biết nhân nhượng, biết trọng nhân cách người ta” (Hồ Chí Minh, 2011a, tr.52). Khi dân tin, dân ủng hộ và tích cực tham gia, nghị quyết của Đảng sẽ trở thành phong trào hành động rộng khắp trong xã hội.

Thứ tư, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với quá trình thực hiện nghị quyết

Theo Hồ Chí Minh, kiểm tra là khâu không thể thiếu trong lãnh đạo; thiếu kiểm tra sẽ dẫn đến hình thức, quan liêu, chủ trương không được thực hiện đến nơi đến chốn. Người chỉ rõ: “chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr.6337), do không bám sát thực tế, không nắm chắc tình hình nên dễ xảy ra tình trạng “nghị quyết một đường, thi hành một nẻo” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr.308). Vì vậy, kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, có trọng tâm, trọng điểm, nhằm bảo đảm nghị quyết được thực hiện đúng mục tiêu, đúng tinh thần đề ra.

Không chỉ là biện pháp quản lý, theo Hồ Chí Minh, kiểm tra còn có ý nghĩa giáo dục và củng cố tổ chức đảng. Người khẳng định: “Kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức” (Hồ Chí Minh, 2011g, tr.362). Đồng thời, Người nhấn mạnh: “Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo, thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười gấp trăm” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr.638). Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát không chỉ bảo đảm nghị quyết được chấp hành nghiêm chỉnh, mà còn góp phần phát hiện, xử lý kịp thời những biểu hiện lệch lạc, cơ hội, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là người lãnh đạo và là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Thứ năm, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong việc tổ chức, thực hiện nghị quyết

Theo Hồ Chí Minh, thi đua thực chất là vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính

sách của Đảng và Nhà nước, vì vậy phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng và gắn chặt với nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng. Thi đua phải có mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể, thiết thực, phù hợp với từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị; tránh hình thức, chung chung. Người khẳng định, lực lượng của phong trào là toàn dân: “Mỗi người dân Việt Nam, bất kỳ già, trẻ, trai, gái; bất kỳ giàu, nghèo, lớn, nhỏ, đều cần phải trở nên một chiến sĩ tranh đấu trên mặt trận: Quân sự, Kinh tế, Chính trị, Văn hoá” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr.556). Thi đua như vậy sẽ khơi dậy tinh thần yêu nước thành hành động cụ thể.

Cùng với phát động thi đua, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vấn đề thưởng phạt nghiêm minh để bảo đảm hiệu quả tổ chức thực hiện nghị quyết. Theo Người, khen thưởng đúng người, đúng việc sẽ khích lệ tinh thần phấn đấu; kỷ luật nghiêm minh sẽ giữ vững kỷ cương, tăng cường trách nhiệm. Ai hoàn thành tốt nhiệm vụ phải được biểu dương xứng đáng; ai vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm phải xử lý nghiêm túc. Nếu buông lỏng đấu tranh với những hành vi trái nghị quyết sẽ dẫn đến lỏng lẻo tổ chức, giảm sút niềm tin của nhân dân. Vì vậy, thi đua phải đi đôi với kiểm tra, đánh giá khách quan, công bằng, tạo động lực mạnh mẽ để mỗi tổ chức, mỗi cá nhân nỗ lực thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng trong thực tiễn.

Trải qua các chặng đường lịch sử, cách mạng Việt Nam đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn như thắng lợi to lớn, đó là của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, của 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; đặc biệt là những thành tựu của sự nghiệp đổi mới, đã minh chứng quá trình đó Đảng ta luôn tổ chức thực hiện tốt đường lối, chính sách đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

2.2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện chính sách nhằm hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, Nghị quyết Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “Vững bước tiến mạnh trong kỷ nguyên mới, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030... hiện thực hóa tầm nhìn phát triển đến năm 2045” (ĐCSVN, 2026, tr.44-45). Đồng thời xác định rõ tinh thần “tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc” (ĐCSVN, 2026, tr.84). Những định hướng đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đồng bộ, bảo đảm nghị quyết không chỉ dừng lại ở tầm nhìn chiến lược mà trở thành động lực phát triển thực chất.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư “diễn ra nhanh, sâu sắc và toàn diện, nhất là trí tuệ nhân tạo...” (ĐCSVN, 2026, tr.45), Nghị quyết yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, tạo tiền đề cho “phát triển lực lượng sản xuất mới” (ĐCSVN, 2026, tr.48) và nhấn mạnh phương châm hành động: “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển” (ĐCSVN, 2026, tr.44). Điều đó đòi hỏi năng lực lãnh đạo và tổ chức thực tiễn phải được nâng lên tầm cao mới; phải chuyển hóa “ý chí, khát vọng phát triển, tư duy đổi mới, quyết tâm cao, hành động quyết liệt” (ĐCSVN, 2026, tr.46) thành chương trình hành động cụ thể ở mọi cấp, mọi ngành. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện nghị quyết, bảo đảm sự thống nhất

giữa nói và làm, giữa quyết tâm chính trị và hiệu quả thực tiễn là điều kiện quyết định để Nghị quyết Đại hội XIV nhanh chóng đi vào cuộc sống trong kỷ nguyên phát triển mới. Vì vậy, các cấp ủy phải bảo đảm những yêu cầu công tác sau:

Một là, khi đã có nghị quyết thì đồng thời phải có chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết

Đây là yêu cầu mang tính nguyên tắc và là

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện nghị quyết, bảo đảm sự thống nhất giữa nói và làm, giữa quyết tâm chính trị và hiệu quả thực tiễn là điều kiện quyết định để Nghị quyết Đại hội XIV nhanh chóng đi vào cuộc sống trong kỷ nguyên phát triển mới.

thước đo năng lực lãnh đạo, tổ chức thực tiễn của các cấp ủy. Trong kỷ nguyên phát triển mới, với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng quản trị quốc gia và năng lực cạnh tranh quốc gia, việc cụ thể hóa nghị quyết phải được tiến hành một

cách khoa học, đồng bộ và có lộ trình rõ ràng. Nghị quyết chỉ thực sự có giá trị khi được chuyển hóa thành chương trình hành động cụ thể, có mục tiêu định lượng, có phân kỳ thực hiện và có cơ chế kiểm soát tiến độ.

Do đó, cấp ủy các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình để cụ thể hóa mục tiêu chiến lược thành chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sát thực tiễn; bảo đảm sự thống nhất giữa hoạch định chính sách và tổ chức thực thi. Việc phân công phải rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và rõ kết quả đầu ra; đồng thời gắn với cơ chế đánh giá, giám sát và trách nhiệm giải trình. Chỉ khi quá trình cụ thể hóa được thực hiện nghiêm túc, minh bạch và có kiểm soát, thì nghị quyết mới trở thành động lực thực sự thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới.

Hai là, hiện thực hóa nghị quyết thông qua đổi mới phương thức lãnh đạo, tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới với những thời cơ và thách thức đan xen, Đại hội XIV yêu cầu “vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu quả tổ chức bộ máy mới của hệ thống chính trị” (ĐCSVN, 2026, tr.83). Đây không chỉ là yêu cầu về tổ chức bộ máy, mà sâu xa hơn là yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, bảo đảm sự thống nhất giữa hoạch định chiến lược và tổ chức thực thi, giữa chủ trương của Đảng với hành động của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức lãnh đạo phải theo hướng khoa học, dân chủ, sát thực tiễn, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, tăng cường kiểm soát quyền lực, nâng cao chất lượng điều hành và năng lực kiến tạo phát triển.

Đại hội XIV đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ “nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển của Nhà nước” (ĐCSVN, 2026, tr.83). Điều đó đặt ra yêu cầu cao hơn đối với mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện nghị quyết: phải hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; lấy hiệu quả thực tiễn và sự hài lòng của người dân làm thước đo. Khi phương thức lãnh đạo được đổi mới đồng bộ, bộ máy vận hành hiệu lực, hiệu quả, thì những mục tiêu phát triển nhanh và bền vững mà Đại hội XIV xác định mới thực sự được chuyển hóa thành kết quả cụ thể trong đời sống xã hội.

Ba là, phát huy vai trò của các tổ chức, tích cực, tự giác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và quyền hạn của từng cá nhân, phải phân

công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm; bảo đảm mỗi tổ chức căn cứ nhiệm vụ được giao để cụ thể hóa nghị quyết thành chủ trương, biện pháp, chỉ tiêu và bước đi phù hợp với từng ngành, từng đơn vị. Việc tổ chức thực hiện phải phát huy tính chủ động, sáng tạo, đồng thời tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức và cá nhân để tạo sự đồng bộ, thống nhất trong hành động, nâng cao hiệu quả thực tiễn. Điều này đáp ứng yêu cầu của Đại hội XIV về nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng.

Để nghị quyết nhanh chóng đi vào cuộc sống, yếu tố có tính quyết định là xây dựng đội ngũ cán bộ đủ tầm và đủ lực, nhất là người đứng đầu. Đại hội XIV khẳng định: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” (ĐCSVN, 2026, tr.74). Trong bối cảnh đất nước phát triển nhanh và bền vững, đội ngũ cán bộ không chỉ cần bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng mà còn phải có tư duy đổi mới và năng lực hành động quyết liệt, hiệu quả. Khi người đứng đầu thực sự gương mẫu, dám chịu trách nhiệm và quyết liệt trong chỉ đạo, thì nghị quyết mới được triển khai thực chất, tạo chuyển biến rõ rệt trong đời sống xã hội.

Bốn là, lựa chọn đúng khâu đột phá trong tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai nghị quyết, không thể dàn trải, bình quân mà phải xác định rõ việc ưu tiên, trọng tâm, then chốt để tập trung chỉ đạo dứt điểm theo từng giai đoạn. Đại hội XIV yêu cầu “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, kiến tạo hệ sinh thái phát triển mới” (ĐCSVN, 2026, tr.86). Điều đó đòi hỏi tư duy tổ chức thực hiện phải có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp với điều kiện cụ

thể của từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Lựa chọn đúng khâu đột phá sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy các nhiệm vụ khác phát triển đồng bộ, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới.

Cùng với việc xác định đúng trọng tâm, cần coi trọng phương pháp làm thí điểm, chỉ đạo điểm và tổng kết thực tiễn để rút kinh nghiệm, hoàn thiện mô hình trước khi nhân rộng. Tuy nhiên, việc làm điểm phải được tiến hành trong điều kiện bình thường, phản ánh đúng thực chất; tránh đầu tư hoặc ưu tiên quá mức làm sai lệch kết quả, đồng thời kiên quyết khắc phục bệnh hình thức, rập khuôn, chạy theo thành tích. Chỉ khi lựa chọn đúng khâu đột phá và tổ chức thực hiện một cách khoa học, nghiêm túc và có kiểm soát, nghị quyết mới thực sự đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả lâu dài.

Năm là, gắn thực hiện nghị quyết với chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, phát triển khoa học - công nghệ

Đại hội XIV xác định rõ yêu cầu “đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” (ĐCSVN, 2026, tr.79), coi đây là động lực quan trọng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc tổ chức thực hiện nghị quyết phải gắn chặt với xây dựng kinh tế số, xã hội số, chính phủ số, phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững. Đồng thời, cần chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, hội nhập và đổi mới phải đặt trên nền tảng kiên định mục tiêu phát triển theo

định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu phát triển kinh tế đi liền với bảo vệ môi trường, tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Vì vậy, tổ chức thực hiện nghị quyết phải kết hợp hài hòa giữa đổi mới sáng tạo và ổn định chính trị - xã hội, giữa mở rộng hội nhập và giữ vững độc lập, tự chủ, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát gắn với đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong Đảng và toàn xã hội

Lãnh đạo mà không kiểm tra thì không thể bảo đảm nghị quyết được thực hiện đến nơi đến chốn. Vì vậy, cấp ủy các cấp phải thường xuyên coi trọng công tác kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; tăng cường đi cơ sở, bám sát thực tiễn, trực tiếp nắm tình hình tổ chức thực hiện nghị quyết. Mỗi cán bộ lãnh đạo cần xây dựng kế hoạch đi cơ sở cụ thể, xác định rõ nội dung, thời gian, địa điểm và yêu cầu kiểm tra, bảo đảm việc giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tránh hình thức, qua loa, không nắm chắc kết quả thực hiện. Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ” (ĐCSVN, 2026, tr.83-84), coi đây là điều kiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng.

Các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên phải đi đầu trong đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi. Đại hội XIV xác định nhiệm vụ “tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng,

lãng phí, quan liêu, tiêu cực” (ĐCSVN, 2026, tr.144); “xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện” (ĐCSVN, 2026, tr.121). Thực hiện tốt nhiệm vụ này không chỉ góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương trong Đảng mà còn có ý nghĩa quyết định trong việc củng cố niềm tin của nhân dân. Khi lòng tin được củng cố, sự đồng thuận xã hội được tăng cường, nghị quyết của Đảng mới thực sự trở thành hành động tự giác và phong trào rộng khắp trong thực tiễn.

Sáu là, thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết

Sơ kết, tổng kết không chỉ là khâu kỹ thuật trong quản lý mà là yêu cầu có tính nguyên tắc nhằm bảo đảm nghị quyết được triển khai đúng hướng và đạt hiệu quả thực chất. Quá trình đánh giá phải khách quan, toàn diện, làm rõ kết quả đạt được, những ưu điểm cần phát huy, đồng thời chỉ ra hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, kịp thời điều chỉnh chủ trương, biện pháp cho phù hợp với thực tiễn, nâng cao chất lượng lãnh đạo và tổ chức thực hiện. Đại hội XIV yêu cầu: “Chú trọng tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận” (ĐCSVN, 2026, tr.116), coi đây là điều kiện để nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Sau mỗi đợt sơ kết, tổng kết phải thông báo kết quả cho các tổ chức, lực lượng liên quan, đồng thời báo cáo cấp uỷ cấp trên theo quy định; từ đó xác định rõ những nhiệm vụ tiếp theo, chuẩn bị cơ sở thực tiễn và lý luận cho việc ban hành, triển khai nghị quyết mới. Việc tổng kết nghiêm túc, kịp thời không chỉ giúp nâng cao hiệu quả thực thi mà còn góp phần hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, bảo đảm sự phát triển liên tục, bền vững trong kỷ nguyên mới.

3. Kết luận

Hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XIV trong kỷ nguyên phát triển mới là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược, đòi hỏi sự thống nhất giữa tư duy và hành động, giữa cụ thể hóa nghị quyết và tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết chỉ có giá trị khi được tổ chức thực hiện nghiêm túc, khoa học và sáng tạo, khi biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của nhân dân. Vận dụng sâu sắc quan điểm của Người về nói đi đôi với làm, về dựa vào dân, phát huy dân chủ và tăng cường kiểm tra, giám sát sẽ bảo đảm Nghị quyết Đại hội XIV thực sự đi vào cuộc sống, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững □

Ngày nhận bài: 15-02-2026;

Ngày bình duyệt: 14-3-2026.

Ngày duyệt đăng: 24-4-2026.

Email tác giả: lamkhanhk13@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

ĐCSVN (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập 1)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh (2011a). *Toàn tập (Tập 4)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh (2011b). *Toàn tập (Tập 5)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh (2011c). *Toàn tập (Tập 6)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh (2011d). *Toàn tập (Tập 7)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh (2011e). *Toàn tập (Tập 13)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh (2011g). *Toàn tập (Tập 14)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh (2011h). *Toàn tập (Tập 15)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI PHỤC VỤ LỢI ÍCH QUỐC GIA

★ TS LƯU THÚY HỒNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

● **Tóm tắt:** Báo chí đối ngoại có vai trò quan trọng kết nối công chúng trong nước và công chúng quốc tế, là công cụ cốt lõi trong công tác thông tin đối ngoại phục vụ lợi ích quốc gia. Trí tuệ nhân tạo đang tạo ra những dịch chuyển vĩ đại, ảnh hưởng lớn đến báo chí đối ngoại, từ đó làm đổi thay hiệu quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ lợi ích quốc gia. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ, tác động của báo chí đối ngoại với lợi ích quốc gia trong bối cảnh phát triển của trí tuệ nhân tạo, bài viết đề xuất giải pháp phát triển báo chí đối ngoại Việt Nam nhằm phục vụ tốt nhất lợi ích quốc gia.

● **Từ khóa:** Báo chí đối ngoại; lợi ích quốc gia; trí tuệ nhân tạo (AI)

External journalism serving national interests

● **Abstract:** External journalism plays an important role in connecting domestic and international publics, serving as a core tool in external information work for national interests. Artificial intelligence is creating great shifts, profoundly impacting external journalism and altering its efficacy in serving national interests. Based on analyzing relationships and impacts of external journalism on national interests amid AI development, the article proposes solutions to develop Vietnam's external journalism to best serve national interests.

● **Keywords:** external journalism; national interests; artificial intelligence (AI).

1. Mở đầu

Báo chí đối ngoại là cầu nối quan trọng giữa nhân dân trong nước và thế giới, là một phương thức tuyên truyền đối ngoại, quảng bá hình ảnh quốc gia đến cộng đồng quốc tế và truyền phát thông tin thế giới cho công chúng trong nước. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khoa học công nghệ và trí tuệ nhân tạo đã thâm sâu vào hoạt động truyền thông nói chung và báo chí đối ngoại nói riêng của các quốc gia trong đó có Việt Nam. Điều này đặt ra những vấn đề cần giải quyết: trí tuệ nhân tạo đang ảnh hưởng và làm thay đổi báo chí đối

ngoại như thế nào? Việt Nam cần vận dụng trí tuệ nhân tạo như thế nào để tăng cường hoạt động và phát huy tiềm lực của báo chí đối ngoại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo đảm lợi ích quốc gia hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những thay đổi của báo chí đối ngoại trong bối cảnh phát triển của trí tuệ nhân tạo

Báo chí đối ngoại theo quan điểm chung là sản phẩm thông tin mang tính quốc tế thể hiện qua những loại hình báo chí như báo in, báo điện tử, kênh phát thanh, truyền hình đối ngoại được vận hành cơ bản bởi các cơ quan báo chí

và truyền thông thuộc hệ thống chính trị. Về lý thuyết, báo chí đối ngoại có nhiệm vụ: cung cấp thông tin chính thức về quốc gia. Các thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước (trong đó có đường lối, chính sách đối ngoại); về tình hình đất nước trên các lĩnh vực; quảng bá hình ảnh quốc gia (về con người, văn hoá, lịch sử,... của đất nước); cung cấp thông tin tình hình thế giới vào quốc gia; giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch, cung cấp đủ thông tin về những vấn đề chính trị - xã hội nhạy cảm (Phạm Minh Sơn, 2011, tr. 40 - 65). Những nhiệm vụ này góp phần đạt được ba mục đích đối ngoại của quốc gia: bảo đảm chủ quyền và an ninh quốc gia cũng như sự toàn vẹn lãnh thổ (gọi tắt là: “mục tiêu an ninh”); tranh thủ điều kiện quốc tế để xây dựng, phát triển đất nước - “mục tiêu phát triển” và phát huy ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế - “mục tiêu ảnh hưởng”. Ba mục tiêu đó liên quan mật thiết với nhau và tác động qua lại lẫn nhau (Vũ Khoan, 1993, tr.3).

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) hiện nay được đánh giá là vô cùng mạnh mẽ với tốc độ rất nhanh. Trí tuệ nhân tạo mầm mống xuất hiện từ thế kỷ XIX với tác phẩm viễn tưởng “Gulliver’s Travels” của Jonathan Swift. Theo thời gian, trí tuệ nhân tạo dần hoàn thiện và phát triển. Bước ngoặt tiến bộ của AI với những sản phẩm đặc sắc như: Stats Monkey- chương trình có khả năng tự động tạo ra các câu chuyện tin tức thể thao mà không cần sự can thiệp của con người, Watson của IBM - máy tính trả lời câu hỏi bằng ngôn ngữ tự nhiên tiên tiến; Open AI giới thiệu GPT - 3, mô hình ngôn ngữ với 175 tỷ tham số; ChatGPT (ChatGenerative Pre - training Transformer) - chương trình tích hợp với trí tuệ nhân tạo (AI) để tương tác với con người (chatbot); Gemini 1.5 - mô hình ngôn ngữ tiên tiến có khả năng xử lý độ dài ngữ cảnh lên

đến 1 triệu mã thông báo; DeepDive - một AI đa phương thức mới mở ra những cơ hội mới để tạo nội dung được cá nhân hóa và tự động hóa trên nhiều nền tảng khác nhau, là công cụ đa năng cho sản xuất phương tiện truyền thông và giáo dục (Tim Mucci, 2025).

Dưới tác động của AI, báo chí đối ngoại có những biến đổi đáng lưu ý:

Thứ nhất, tư duy báo chí đối ngoại có nhiều đổi mới, trước hết là đổi mới về chủ thể lãnh đạo, quản lý, thực hiện sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại. Chủ thể không chỉ là các chủ thể chính trị (đảng chính trị, nhà nước) mà còn là các chủ thể khác như các nhóm lợi ích hay các tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn... Các chủ thể mới này cũng hình thành tổ chức bộ máy cơ quan báo chí, truyền thông, sản xuất các chương trình, tác phẩm có tính quốc tế dù không hẳn là nhiệm vụ thường xuyên, trọng yếu nhưng cũng góp phần làm giàu thêm chất lượng và phong phú thêm số lượng thông tin của báo chí đối ngoại. AI ảnh hưởng đến tư duy về tổ chức bộ máy, hoạch định chiến lược sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại của lãnh đạo cơ quan báo chí đối ngoại, đặc biệt về sự đa dạng cách thức thể hiện của tin bài. Trên cơ sở đó, các nhà lãnh đạo của cơ quan báo chí đối ngoại đã và đang có những chính sách, kế hoạch quản lý, sản xuất và phát hành sản phẩm báo chí phù hợp với thực tiễn.

Tác động rõ ràng nhất của AI là hoàn thiện và phát triển mô hình tòa soạn hội tụ theo hướng hiện đại, tinh gọn, linh hoạt; trong đó, một vị trí việc làm trong tòa soạn sẽ đảm đương nhiều chức năng, nhiệm vụ bởi đội ngũ nhà báo đã sử dụng nhuần nhuyễn công nghệ AI, từ đó tạo ra sự kết nối và phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, tạo hiệu quả cao trong công việc. Đi đầu cho sự thay đổi tư duy này là hãng BBC với việc ra

mắt “BBC Vision”, góp phần tái cấu trúc BBC News. BBC đã phát triển mạnh mẽ các nền tảng truyền thông mới như nền tảng theo yêu cầu, ứng dụng khách di động và video trên trang web. Tương tự, hãng CNN cũng sớm đổi mới tư duy quản trị, với việc thành lập của trang “cnn.com” vào mùa hè năm 1995, đánh dấu bước đầu tiên của sự hội tụ của đài CNN và áp dụng chiến lược phát triển “đi động đầu tiên, kỹ thuật số đầu tiên” để hội tụ truyền thông (Mai Hương & Hữu Lương, 2021).

Thứ hai, quá trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại trở nên nhanh chóng, thuận tiện và dễ dàng hơn bởi việc sử dụng các phần mềm do AI cung cấp. AI hỗ trợ xây dựng chủ đề, tìm kiếm nội dung thông qua việc lọc dữ liệu trong và ngoài nước, từ nhiều nguồn khác nhau. AI tổng hợp, phân tích dữ liệu, biên tập, bóc băng phỏng vấn (ví dụ công nghệ Speech to text...); AI dịch thuật chính xác, lấy tin cũng như tạo tin bằng tiếng nước ngoài trong vài phút. Các công cụ của AI dịch thuật như DeepL, SmartCat, Yandex. Text, Wordly, TranslatePress, Google Translate, chat GPT... giúp dịch nhanh nội dung sang hàng trăm ngôn ngữ. Nhiều công cụ dịch còn hỗ trợ sử dụng miễn phí.

Bên cạnh đó, nhiều phần mềm sử dụng trí tuệ nhân tạo giúp công tác sản xuất các sản phẩm vốn phức tạp như 3D hoặc video, infographic thông minh, podcast... một cách tự động, thậm chí sử dụng người dẫn chương trình (MC) ảo cho nhiều chương trình truyền hình đối ngoại (Việt Đức, 2018). Hiện đại hơn, AI còn có thể phân tích các bản tin chính trị, tài chính nước ngoài một cách chuyên nghiệp, ví dụ hãng tin Washington Post áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo có tên là “Heliograf”, giúp đưa tin về kỳ bầu cử Quốc hội Mỹ và Thế vận hội Olympic 2016 nhanh chóng (Trần Thị Vân Anh, 2025).

Thứ ba, xuất bản, phát hành sản phẩm báo chí đối ngoại trở nên rộng rãi, ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc hơn do sử dụng AI. Các nền tảng mạng xã hội ngày càng phát triển tạo sự di chuyển lớn trong đời sống xã hội: từ xã hội thực tế sang xã hội ảo (không gian mạng) với tỉ lệ “dân số ảo” lớn, khoảng 5,04 tỷ tài khoản sử dụng (We Are Social, 2024).

Báo chí đối ngoại đang đa dạng hóa phương thức xuất bản, phát hành sản phẩm, phù hợp với sự thay đổi cách thức tiếp nhận thông tin của công chúng. Bên cạnh báo in, báo phát thanh theo khung giờ cố định, địa điểm và sóng cố định là các nền tảng số, các tài khoản mạng xã hội. Việc xuất bản, phát hành cá nhân hóa cũng thịnh hành hơn nhờ AI. AI lọc tin theo sở thích của công chúng, chuyển những tin tức phù hợp với cá nhân công chúng (đặc biệt công chúng quốc tế với nền tảng văn hóa khác nhau), bằng cách sử dụng thuật toán để phân tích lượng lớn dữ liệu và tự động đưa ra dự đoán về loại nội dung mà một người dùng cụ thể có thể sẽ quan tâm (VietnamPlus, 2023). Chẳng hạn, công cụ News Tracer có khả năng lọc hàng triệu dòng tin, bình luận trên các nền tảng mạng xã hội như Twitter mà người sử dụng đăng tải, trên cơ sở đó phóng viên hoặc họ có thể sử dụng một công cụ AI khác xác định tin nóng để đưa cho bạn đọc.

Thứ tư, thay đổi trong quy trình quản lý và nâng cao hiệu quả kinh tế đối với hoạt động của các cơ quan báo chí đối ngoại. Tòa soạn hội tụ, người dẫn chương trình (MC) ảo hoặc phát hành tin tức trên mạng xã hội miễn phí. Thậm chí nếu sản phẩm trên mạng xã hội được nhiều lượt theo dõi (follow), chia sẻ (share), bình luận (comment), thích (like) thì các tòa soạn còn thu về nguồn thu nhập đến từ các nền tảng công nghệ chủ quản mạng xã hội đó. AI giúp tiết kiệm thời gian, nhân lực cho việc phân tích dữ

liệu với phần mềm lọc hàng triệu trang bài để phân tích dữ liệu.

Đặc biệt, có nhiều toà soạn trên thế giới sử dụng AI để cá nhân hóa trải nghiệm đọc của người dùng, điều chỉnh viết những tin tức phù hợp với sở thích và nhu cầu, tạo công thanh toán linh động, dự đoán khả năng độc giả đăng ký trả phí để điều chỉnh số lượng bài báo đọc miễn phí, bài báo cần trả phí, từ đó kích thích người dùng đăng ký trả phí. Ví dụ nền tảng “Sophi” được các báo sử dụng để tiến hành việc xử lý ngôn ngữ tự nhiên trên mỗi bài viết ngay khi chúng được xuất bản, tiếp đó dự báo xem liệu bài viết này có thể mang tới thêm nhiều doanh thu quảng cáo hoặc doanh thu đăng ký nội dung trả phí hay không, đề xuất nên khóa (để thu phí) hoặc mở khóa những bài viết nhất định.

Nhiều tòa soạn cũng sử dụng ứng dụng Blockchain vào báo chí thu phí, tăng cường độ tin cậy và minh bạch. Cụ thể, Blockchain có thể xác minh nguồn tin, danh tính của các nhà báo, giúp chống lại sự lan truyền thông tin sai lệch và tin giả. Ngoài ra, công nghệ này cũng có thể bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các tác giả, thúc đẩy mở rộng, tăng tính tương tác của cộng đồng thông qua các NFT (Non-Fungible Token) thưởng dành cho độc giả trung thành hoặc các nhà báo có đóng góp nổi bật (VietNamNet, 2024).

Thứ năm, báo chí đối ngoại cũng thay đổi cách thức tương tác với công chúng bên cạnh những tương tác truyền thống. Việc sử dụng chatbox đa ngôn ngữ, nhiều hình thức như chữ, hình ảnh, lời nói, ký hiệu... để tăng cường sự tương tác đến từ đa dạng các cộng đồng người khác nhau trên thế giới là cách thức nhiều tòa soạn trên thế giới thực hiện. Ngoài ra, AI được sử dụng để lọc, phân loại bình luận, ví dụ ModBot phân loại ý kiến của công chúng, thậm chí có thể đo được cảm xúc của họ dựa trên các

phản hồi (do sử dụng công cụ phân tích cảm xúc như IBM Watson Tone Analyzer), khuyến khích công chúng tham gia và đối thoại với việc tạo ra các diễn đàn thảo luận (Minh Thiện, 2024).

2.2. Báo chí đối ngoại trong bối cảnh phát triển của trí tuệ nhân tạo đang thay đổi cách thức phục vụ lợi ích quốc gia

Thứ nhất, báo chí đối ngoại đang góp phần tăng cường bảo đảm an ninh quốc gia, đặc biệt là an toàn thông tin. Nhiều thông tin trên các trang mạng xã hội cá nhân hoặc hội nhóm không rõ nguồn gốc xuất xứ được tạo ra và phát tán nhanh chóng. Những thông tin này có thể do người làm ra nhưng phần nhiều do AI sáng tác ra (bịa ra), đưa lên không gian mạng, tạo ra những tin giả (fake news), tin độc,... gây hiểu lầm hoặc xuyên tạc về chính sách, về những vấn đề chính trị - xã hội nhạy cảm. Việc thông tin về chính sách đối nội và đối ngoại một cách chính thức, chính danh, nhanh chóng của báo chí đối ngoại là một “hàng rào đỡ” chống thông tin xấu, độc. Như đã phân tích, AI hỗ trợ rất nhiều cho việc sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại nhanh chóng để đối phó với những tin giả đó, chẳng hạn như hệ thống Wordsmith và Heliograf đã được sử dụng để tạo ra hàng nghìn bài báo tự động mỗi ngày, bảo đảm độ chính xác và cập nhật nhanh chóng. Ngoài ra, báo chí đối ngoại sử dụng AI phân tích các bình luận trên mạng xã hội, dữ liệu tìm kiếm, thông tin trên các nền tảng truyền thông nước ngoài để phát hiện tin giả, tin xấu về quốc gia. Điều này hỗ trợ cho các cơ quan báo chí có chiến lược giải thích và làm rõ thông tin cũng góp phần chống lại những tin giả, tin xấu, tin xuyên tạc, giúp bảo đảm an ninh quốc gia trong đó có an toàn thông tin về quốc gia.

Thứ hai, báo chí đối ngoại góp phần tăng cường cung cấp thông tin, quảng bá hình ảnh

quốc gia đầy đủ, đúng đắn và thiện cảm. Với những thay đổi của báo chí đối ngoại nhờ ứng dụng AI, việc sản xuất ra các sản phẩm báo chí đối ngoại vừa hay, vừa hợp thị hiếu, nhu cầu của công chúng lại vẫn bảo đảm được tính chính xác, chính đáng, chính thức của thông tin đang ngày càng trở nên dễ dàng, giản đơn. Rất nhiều sản phẩm báo chí đối ngoại, như thông tin, quảng bá về hình ảnh đất nước con người, lịch sử... góp phần làm nên sự hấp dẫn, thu hút của quốc gia được công chúng đón nhận và yêu thích, tạo hiệu quả, tăng cường sự hiểu biết của công chúng quốc tế về quốc gia, làm cho họ chia sẻ, ủng hộ quốc gia đó trên trường quốc tế. Điều này góp phần củng cố sức mạnh mềm quốc gia (J.S. Nye, 2004).

Ngoài ra, báo chí đối ngoại còn hướng tới đối tượng là kiều bào ở nước ngoài. Lực lượng kiều bào nước ngoài luôn là lực lượng quan trọng trong xây dựng và bảo vệ đất nước của mỗi quốc gia, việc sử dụng AI để phân tích dữ liệu liên quan từ đó có những sản phẩm tốt sẽ giúp kiều bào nắm bắt được tình hình chính xác, kịp thời và thấy được cơ hội phát triển tại quê hương, quay trở về đầu tư cho nước nhà, mở ra nhiều đóng góp cho sự phát triển đất nước.

Báo chí đối ngoại với nhiệm vụ quảng bá hình ảnh quốc gia trong bối cảnh phát triển của AI đang có những xu hướng tạo hiệu ứng tích cực. Ngoài việc hỗ trợ quá trình sản xuất, tạo ra những sản phẩm báo chí đối ngoại hay, đẹp và có sức hút, AI còn giúp xuất bản và phát hành (phát sóng) các sản phẩm nhanh qua các nền tảng, hệ thống AI và mạng xã hội. AI cũng lựa chọn công chúng mục tiêu ở nước ngoài để gửi cho họ sản phẩm báo chí đối ngoại phù hợp với nhu cầu của họ, từ đó tránh hiện tượng công chúng thấy nhàm chán mà bỏ qua các sản phẩm báo chí đối ngoại.

Việc sản phẩm báo chí đối ngoại trực tiếp đến với công chúng và được đón nhận nhiệt tình bởi công chúng mục tiêu là bước đầu tiên đặt dấu ấn quốc gia trong lòng công chúng quốc tế. Theo thời gian, dấu ấn này ngày càng rõ ràng và có sức sống mãnh liệt thì hình ảnh quốc gia cũng ngày càng trở nên thân thuộc, sâu sắc trong lòng bạn bè và công chúng quốc tế. Lan tỏa hình ảnh đẹp, lịch sử và văn hóa của quốc gia không chỉ gia tăng sức mạnh mềm mà còn tăng cường sức ảnh hưởng mềm, vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.

Tuy vậy, báo chí đối ngoại hiện nay cũng gặp khá nhiều khó khăn trong quá trình vận động, không theo kịp sự phát triển về khoa học công nghệ, do hạn chế về nguồn lực, do cơ chế chính sách và trình độ phát triển của báo chí đối ngoại ở các quốc gia khác nhau; sự thiếu linh hoạt và khả năng vận dụng AI. Mặt khác, các thế lực thù địch của mỗi quốc gia đang sử dụng AI trong việc sản xuất và truyền bá thông tin giả, tin độc, tin xấu về quốc gia tạo sự hiểu nhầm hoặc hiểu sai về quốc gia đó. Nếu không xử lý tốt thì hiện tượng này sẽ gây tổn hại lớn cho lợi ích của mỗi quốc gia đó.

2.3. Một số gợi mở cho báo chí đối ngoại Việt Nam phục vụ lợi ích quốc gia trong bối cảnh phát triển của trí tuệ nhân tạo

Ở Việt Nam, báo chí đối ngoại là một trong những lực lượng quan trọng của công tác thông tin đối ngoại, là một bộ phận trong công tác tuyên truyền và công tác tư tưởng của Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị (Thủ tướng Chính phủ, 2016). Báo chí đối ngoại Việt Nam được thể hiện dưới hình thức báo in, báo điện tử, kênh phát thanh, truyền hình đối ngoại, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quy hoạch báo chí đối ngoại (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2019), trong đó chủ

lực là Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam (Thủ tướng Chính phủ, 2019). Công chúng mục tiêu của báo chí đối ngoại Việt Nam là công chúng quốc tế, có tính trọng tâm, trọng điểm nhất, đặc biệt là công chúng ở các nước láng giềng, các nước lớn, các nước trong khối ASEAN, Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, các nước khu vực Mỹ Latinh, đồng bào ta ở nước ngoài. Công chúng trong nước chủ động cung cấp đầy đủ thông tin từ trong nước và tiếp nhận kịp thời thông tin từ bên ngoài để phục vụ triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa, an ninh, quốc phòng bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo (Thủ tướng Chính phủ, 2016).

Báo chí đối ngoại thực hiện các nội dung: thông tin về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giới thiệu, quảng bá đất nước, con người, lịch sử, văn hóa, những giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc Việt Nam, những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước, tiềm năng và hiệu quả trong hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với các đối tác; thông tin về tình hình quốc tế cho nhân dân trong nước, chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới; phản hồi kịp thời những thông tin sai trái, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phá hoại sự nghiệp đổi mới, độc lập, thống nhất, ổn định, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Cung cấp thông tin phục vụ, hỗ trợ những đơn vị và đối tượng làm công tác thông tin đối ngoại (Thủ tướng Chính phủ, 2016).

Cho đến nay, Việt Nam đang thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia và là một trong những quốc gia rất quan tâm đầu tư phát triển trí tuệ nhân tạo (Oxfordinsights, 2023). Việt Nam là quốc gia được đánh giá là có tỷ lệ người dân sử dụng không gian mạng và mạng

xã hội thuộc nhóm cao trên thế giới, với 78,44 triệu người sử dụng internet, chiếm 79,1% dân số, cao hơn so với trung bình thế giới là 66,2%; với 72,7 triệu tài khoản mạng xã hội, chiếm 73,3% tổng dân số vào đầu năm 2024 (We Are Social, 2024). AI đã hiện diện ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam trong đó có báo chí đối ngoại. Báo chí đối ngoại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển trí tuệ nhân tạo đã sử dụng khá tốt các công nghệ AI trong quá trình quản lý, sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại với những thông tin nhanh, chính xác, sản phẩm hấp dẫn, có ý nghĩa, lượng tương tác cao, từ đó thu được nhiều thành công, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia.

Có rất nhiều sản phẩm báo chí đối ngoại được cộng đồng quốc tế ghi nhận, chẳng hạn như gần đây nhất Thông tấn xã Việt Nam có 2 tác phẩm đoạt giải nhất Giải Báo chí các hãng thông tấn châu Á- Thái Bình Dương năm 2025, là tác phẩm ở hạng mục bài viết có tiêu đề “Báu vật truyền đời từ đàn ong rừng” (phản ánh nghệ thuật dùng sáp ong rừng để in hoa văn trên trang phục truyền thống của người Dao tỉnh Cao Bằng và tác phẩm ở hạng mục phóng sự ảnh với chủ đề “Độc đáo vật cầu nước làng Vân” (phản ánh nét đẹp trong văn hóa Việt Nam qua lễ hội làng Vân) (VietnamPlus, 2025). Báo Điện tử VietnamPlus của Thông tấn xã Việt Nam đoạt giải thưởng lớn của Hiệp hội Các nhật báo và nhà xuất bản tin tức thế giới (WAN - IFRA) với tác phẩm báo chí 3D tương tác về Hà Nội tác phẩm “70 năm giải phóng Thủ đô: Hà Nội linh thiêng và hào hoa”. Mặc dù vậy, vẫn còn những thách thức do AI đem lại như năng lực tự chủ công nghệ của đội ngũ nhà báo vẫn còn chưa thực sự xuất sắc, vẫn còn nhiều nhà báo chưa nắm bắt và sử dụng AI một cách có trách nhiệm, thậm chí có sự phụ thuộc vào công nghệ, mất đi tính linh hoạt và nhạy cảm nghề nghiệp

trong khi các thế lực thù địch sử dụng AI để sản xuất, phát tán tin độc hại, tin giả một cách nhanh chóng, thường xuyên. Tư duy quản lý và sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại có đổi mới nhưng dường như chậm hơn so với sự phát triển của AI.

Để tăng cường phục vụ lợi ích quốc gia hơn nữa, báo chí đối ngoại Việt Nam cần quan tâm một số gợi mở sau:

Thứ nhất, tăng cường đổi mới tư duy chiến lược về quản lý báo chí đối ngoại trong xu thế khoa học công nghệ và AI phát triển theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế và tâm điểm của nhiệm vụ chính trị. Đây là nền tảng để các sản phẩm báo chí đối ngoại vừa mang tính hiện đại, hấp dẫn mà vẫn mang bản sắc Việt Nam, phản ánh trung thực, hiện thực, đúng chủ trương, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Đặc biệt, các sản phẩm này luôn cần nhấn mạnh chiều sâu nội dung, hướng tới mục tiêu cuối cùng là phục vụ lợi ích quốc gia.

Thứ hai, đầu tư hơn nữa vào đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của nguồn nhân lực báo chí đối ngoại. Các nhà báo cần được nâng cao khả năng tự chủ công nghệ báo chí để sử dụng AI đạt tới mức chuyên nghiệp, tránh sự phụ thuộc vào công nghệ, bào mòn khả năng sáng tạo của con người, nhưng cũng cần nhạy bén và bắt kịp các công nghệ mới để áp dụng vào sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại trong tương quan với các cơ quan báo chí đối ngoại của các quốc gia khác. Giữ vững bản lĩnh chính trị và kiến thức về chính trị quốc tế cho đội ngũ thực hiện sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại khi phải đối diện với những sự kiện, thông tin chính trị trong nước và quốc tế nhạy cảm và nhiều hàm ý. Từ đó nâng cao khả năng sản xuất các sản phẩm báo chí đối ngoại Việt Nam chất lượng, bắt kịp xu hướng có tính phổ biến nhưng lại có tính chính trị sắc nét phục vụ lợi ích quốc gia.

Thứ ba, phát triển hạ tầng số, phát triển nghiên cứu khoa học công nghệ phù hợp với nhịp phát triển của trí tuệ nhân tạo tránh lạc hậu so với thế giới, giữ gìn chủ quyền quốc gia về công nghệ số và AI. Hạ tầng số Việt Nam cần phải được nâng cấp để giải quyết bài toán công nghệ: tốc độ mạng phải cao hơn, độ trễ thấp hơn, vận hành thông minh hơn và trải nghiệm người dùng vượt trội hơn. Đặc biệt, Việt Nam cũng cần phát triển trung tâm dữ liệu và thông tin quốc tế (nền tảng quan trọng phát triển AI) theo hướng trung thực, chính xác và phong phú. Điều này cần đề cập rõ ràng trong tầm nhìn, chiến lược chung; Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Việt Nam cần có hành động cụ thể, đồng bộ và có hệ thống.

Thứ tư, phát triển hệ sinh thái AI dành riêng cho báo chí và báo chí đối ngoại trong tầm nhìn chiến lược, tức là phải đưa vào trong nội dung của chiến lược đối ngoại hoặc thông tin đối ngoại hoặc truyền thông quốc tế để phát triển. Việc nghiên cứu và cho ra đời hệ sinh thái AI nhằm tối ưu hóa khả năng sử dụng AI trong sản xuất, phát hành sản phẩm báo chí đối ngoại Việt Nam. Nhà nước và các cơ quan báo chí cần đầu tư về công nghệ kết hợp với nâng cao kỹ năng sản xuất báo chí và báo chí đối ngoại của nguồn nhân lực.

Thứ năm, tăng cường và coi trọng hơn nữa hợp tác quốc tế, với các cơ quan báo chí đối ngoại trên thế giới đặc biệt ở các quốc gia mạnh về khoa học công nghệ và ứng dụng AI vào sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại. Hợp tác quốc tế sẽ hỗ trợ Việt Nam có cơ hội giao lưu, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, nhận chuyển giao công nghệ của các cơ quan báo chí đối ngoại nước ngoài mạnh về AI, góp phần rút ngắn thời gian tự hoàn thiện, tự học hỏi kỹ nghệ sản xuất và phát hành sản phẩm báo chí đối ngoại Việt Nam, đồng thời giúp đội ngũ nhà báo có được nguồn

dữ liệu mở chính thống, đầy đủ về tin tức quốc tế để phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

3. Kết luận

Trí tuệ nhân tạo với những ưu việt vốn có và nguy cơ tiềm tàng đang làm đổi mới và phát triển tư duy báo chí đối ngoại cũng như quá trình quản lý báo chí đối ngoại, đặc biệt là sản xuất, xuất bản, phát hành sản phẩm báo chí đối ngoại và cách thức tương tác với công chúng. Dưới những thay đổi này, báo chí đối ngoại hiện đang góp phần bảo đảm an ninh quốc gia (từ an ninh thông tin, an ninh kinh tế, an ninh mạng đến an ninh con người), tạo nguồn lực trong việc gia tăng sức mạnh quốc gia, tạo động lực cho sự phát triển của đất nước, đồng thời đóng góp không nhỏ cho quảng bá hình ảnh, tăng cường vị thế, ảnh hưởng của quốc gia trên trường quốc tế. Việt Nam cần đổi mới tư duy, chiến lược, phát triển nguồn nhân lực, hạ tầng số và hệ sinh thái AI dành riêng cho báo chí đối ngoại, nhằm tăng cường báo chí đối ngoại phục vụ lợi ích quốc gia □

Ngày nhận bài: 10-02-2026;

Ngày bình duyệt: 14-3-2026;

Ngày duyệt đăng: 24-4-2026.

Email tác giả: LuuThuyHong@ajc.edu.vn

Tài liệu tham khảo:

Bộ Thông tin và Truyền thông (06 - 05 - 2019). *Thông tư số 03/2019/TT-BTTTT ngày 06-5-2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc đăng, phát nội dung thông tin đối ngoại trên báo chí.*

Báo điện tử VietnamPlus (14-3-2023). *Trí tuệ nhân tạo ảnh hưởng tới báo chí như thế nào.* <https://mega.vietnamplus.vn>.

Báo VietNamNet (22-6-2024). *"Tiềm năng cho báo chí thu phí khi áp dụng AI và Blockchain",*

<https://vietnamnet.vn>.

Báo điện tử VietnamPlus (18-02-2025). *2 tác phẩm của TTXVN đoạt giải nhất Giải Báo chí các hãng thông tấn châu Á-TBD.* <https://www.vietnamplus.vn>.

Joseph S.Nye, Jr (2004). *Soft power: The mean to success in world politics* (Quyền lực mềm là phương tiện để thành công trong chính trị thế giới), Public Affairs New York.

Minh Thiện (12-12-2024). *Thúc đẩy mặt tích cực của AI trong báo chí.* <https://ictvietnam.vn>.

Oxfordinsights (2023). *Government AI Readiness Index 2023.* <https://oxfordinsights.com>.

Tim Mucci (25-11-2025). *The history of AI.* <https://www.ibm.com>.

Mai Hương & Hữu Lương (10-10-2021). *Các cơ quan báo chí hàng đầu quốc tế lựa chọn mô hình hội tụ truyền thông như thế nào?.* <https://www.qdnd.vn>.

Việt Đức (09-11-2018). *Tân Hoa Xã ra mắt bản tin do MC trí tuệ nhân tạo dẫn chương trình.* <https://www.vietnamplus.vn>.

Phạm Minh Sơn (2011). *Thông tin đối ngoại Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn.* Nxb Chính trị hành chính.

Trần Thị Vân Anh (29-8-2025). *Washington Post áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo có tên là "Heliograf."* <https://www.tapchiconsan.org.vn>.

Thủ tướng Chính phủ (13-12-2016). *Quyết định số 2434/QĐ-TTg ngày 13-12-2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*

Thủ tướng Chính phủ (03-4-2019). *Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03-4-2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.*

We Are Social (25-10-2024). *Báo cáo năm 2024.* <https://wearesocial.com>.

Vũ Khoan (1993). *An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại.* Tạp chí Nghiên cứu quốc tế.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠI HỘI XIV VỀ XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC QUỐC DÂN HIỆN ĐẠI

★ PGS, TS HOÀNG ANH

Vụ Quản lý khoa học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Đại hội XIV của Đảng xác định chủ trương xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới. Đây vừa là chủ trương đúng đắn, giàu tính khoa học và thực tiễn, vừa là một nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để hiện thực hóa khát vọng vươn mình của dân tộc. Trên cơ sở làm rõ những nội dung cốt lõi trong quan điểm của Đảng về xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm góp phần đưa các nội dung này vào thực tiễn cuộc sống.

● **Từ khóa:** quan điểm của Đảng; Đại hội XIV; nền giáo dục quốc dân hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao.

The viewpoint of the 14th Party Congress on building a modern national education system

● **Abstract:** The 14th Party Congress identified the policy of building a modern national education system, on par with the region and the world. This is both a correct policy, rich in scientific and practical value, and a central and urgent task to realize the nation's aspiration for advancement. Based on clarifying the core contents of the Party's viewpoint on building a modern national education system, this article proposes solutions to contribute to putting these contents into practice.

● **Keywords:** the Party's viewpoint; the 14th Party Congress; modern national education system; high-quality human resources.

1. Mở đầu

Đại hội XIV của Đảng đã xác lập những định hướng chiến lược mang tính bước ngoặt cho giai đoạn phát triển mới của đất nước. Trong đó, chủ trương xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới đã được Đảng khẳng định trong các văn kiện chính thức, trở thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết để hiện thực hóa khát vọng vươn mình của dân tộc.

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số đang tái định hình mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Giáo dục không còn giới hạn ở việc truyền thụ tri thức hàn lâm, mà đã trở thành nhân tố cốt lõi, là trụ cột quan trọng để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tạo động lực tăng trưởng kinh tế bền vững. Đối với Việt Nam, đây không đơn thuần là mục tiêu phát triển, mà

là yêu cầu khách quan để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong môi trường quốc tế đầy biến động.

Việc hiện thực hóa chủ trương này thông qua triển khai Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22-8-2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đóng vai trò như một đòn bẩy chính sách quan trọng, tạo xung lực mạnh mẽ để đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Trong bối cảnh mới, nguồn nhân lực sở hữu tư duy sáng tạo, kỹ năng số và năng lực thích ứng chính là thước đo giá trị nhất cho sức mạnh quốc gia. Đầu tư cho giáo dục hiện đại chính là đầu tư cho tương lai, là con đường ngắn nhất để Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình và bước vào nhóm các quốc gia có nền kinh tế tri thức phát triển.

Nền giáo dục hiện đại mà Việt Nam hướng tới phải là hệ thống thông minh, nơi công nghệ số trở thành nền tảng cốt lõi trong quản trị và giảng dạy, đồng thời bảo đảm cơ hội học tập suốt đời cho mọi người dân. Sự cấp thiết này đòi hỏi hành động quyết liệt của cả hệ thống chính trị nhằm khắc phục những bất cập hiện tại, từng bước xây dựng một nền giáo dục có tính hội nhập cao, đạt chuẩn quốc tế. Chỉ khi nền giáo dục quốc dân được xây dựng trên nền tảng khoa học, nhân văn và gắn kết mật thiết với thực tiễn, mới có thể tạo ra những đột phá để đưa đất nước phát triển thịnh vượng trong kỷ nguyên mới.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của Đảng về xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại

Trong tiến trình đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho giáo dục, xác định đây là quốc sách hàng đầu. Trong Văn kiện Đại hội XIV, quan điểm về xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện

đại, ngang tầm khu vực và thế giới (ĐCSVN, 2026, tr.378) không chỉ là sự kế thừa tư tưởng truyền thống mà còn là bước phát triển đột phá, phản ánh tư duy chiến lược trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng số. Quan điểm này được định hình trên cơ sở sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế tri thức hiện đại.

Trước hết, nền tảng tư tưởng cốt lõi của Đảng về giáo dục bắt nguồn từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người từng khẳng định: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại” (Hồ Chí Minh, 2011). Trong Văn kiện Đại hội XIV, Đảng ta tiếp tục quán triệt sâu sắc triết lý này, nhấn mạnh mục tiêu đào tạo không đơn thuần là cung cấp bằng cấp hay kiến thức hàn lâm, mà là hình thành nhân cách toàn diện, bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và năng lực thực thi công vụ cho thế hệ trẻ. Nền giáo dục hiện đại mà Đảng định hướng chính là môi trường giáo dục nhân bản, nơi người học được rèn luyện để trở thành những chuyên gia thực thụ, những công dân toàn cầu có tư duy độc lập, sáng tạo và khả năng phụng sự Tổ quốc trong môi trường quốc tế đầy biến động.

Điểm mới và quan trọng nhất trong quan điểm của Đại hội XIV là việc xác định giáo dục phải “ngang tầm khu vực và thế giới”. Điều này đặt ra yêu cầu phải chuẩn hóa hệ thống giáo dục quốc gia theo các tiêu chuẩn quốc tế, từ chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy đến cơ chế quản trị. Đảng nhấn mạnh rằng, một nền giáo dục chỉ thực sự hiện đại khi nó mang tính “mở” và “tự chủ”. Tính mở thể hiện ở việc kết nối giáo dục với thị trường lao động, với cộng đồng khoa học quốc tế và với tiến bộ công nghệ